

Bản án số: 430/2022/HC-PT

Ngày: 14-6-2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định  
hành chính trong quản lý Nhà  
nước về đất đai*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn An

*Các thẩm phán:* Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 54/2022/TLHC-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 380/2022/QĐ-PT ngày 22/4/2022 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn RG, huyện NH, tỉnh Cà Mau.

**Người đại diện hợp pháp của ông S:** Ông Trần Chi L; Địa chỉ: Ấp 2, xã HV, huyện NC, tỉnh Cà Mau, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/6/2020 của ông S) (có mặt).

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: Số 02 HV, phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Huỳnh Quốc V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (xin xét xử vắng mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau:**

1. Ông Huỳnh Thanh D, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Lê Văn M, chức vụ: Phó Phòng Quản lý Đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Nguyễn Văn Kh (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Hoàng L1 (có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Th1 (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn L2 (có mặt)

6. Ông Nguyễn Văn B (có mặt)

7. Ông Nguyễn Văn N (có mặt)

8. Bà Nguyễn Thị H (vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị Đ (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn RG, huyện NH, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của bà Đ, bà H, ông N, ông B, ông L2, bà Th1, ông L1:* Ông Trần Chi L (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2020) (có mặt).

10. Công ty Cổ phần KL (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 02, đường LHP, khóm 7, phường 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

11. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bất động sản 30/4 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ĐT, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: Số 02 HV, phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau:*

- Ông Huỳnh Thanh D, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Ông Lê Văn M, chức vụ: Phó Phòng Quản lý Đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (có mặt).

13. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn RG, huyện NH, tỉnh Cà Mau.

14. Ủy ban nhân dân thị trấn RG (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn RG, huyện NH, tỉnh Cà Mau.

15. Ông Nguyễn Văn Th2 (vắng mặt)

16. Ông Nguyễn Thông Tr (vắng mặt)

17. Ông Nguyễn Trung T (vắng mặt)

18. Ông Nguyễn Minh C (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn RG, huyện NH, tỉnh Cà Mau.

19. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 69 Đường Phan NH, Phường 6, Thành phố CM, Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn S, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời khai của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Năm 1976, gia đình ông Nguyễn Văn Th3 (cha của ông S) được Ủy ban nhân dân xã TA cấp cho một phần đất nông nghiệp tại ấp KB, xã TA có vị trí ngay tại chợ RG hiện nay (không xác định được chính xác diện tích).

Phần đất được cấp có tứ cận: Đông giáp KB; Tây giáp đất ông C1; Nam giáp Kinh Ngang; Bắc giáp sông RG.

Năm 2016, trong quá trình chuẩn bị nâng cấp lộ trong khu vực thị trấn RG, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn RG có văn bản thỏa thuận (biên bản thỏa thuận ngày 12/7/2016) với gia đình ông Th3 cho xây dựng 03 đoạn lộ bao quanh phần đất gia đình đang quản lý diện tích làm lộ là 1.025m<sup>2</sup>. Nội dung thỏa thuận là khi nào có chủ trương bồi hoàn thì Ủy ban nhân dân thị trấn sẽ tổ chức lập phương án bồi hoàn cho gia đình theo quy định. Vị trí các đoạn lộ như sau: Đoạn trước Ủy ban nhân dân thị trấn RG 2,5m ngang x 136m dài; Đoạn từ Công an cũ đến đường bê tông 07m ngang x 88m dài; Đoạn mở rộng vào trường mẫu giáo 1,5m ngang x 46m dài.

Ngày 15/4/2020, Ủy ban nhân dân thị trấn RG ra Thông báo số 22 buộc ông Nguyễn Văn Tín (con của ông S) và hộ dân thuê mặt bằng của gia đình ông Th3 trên đoạn từ Công an cũ đến đường bê tông tháo dỡ công trình xây dựng (ki ốt chợ) để trả mặt bằng cho 02 doanh nghiệp tư nhân xây dựng khu nhà ở và chợ RG. Trên cơ sở đó, có đủ chứng cứ xác định phần đất Ủy ban nhân dân thị trấn RG thỏa thuận bồi hoàn nằm trong phạm vi đất thu hồi để làm chợ.

Có Văn bản thỏa thuận ngày 12/7/2016, nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn RG không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn khi Nhà nước thu hồi và giao đất cho người khác (bởi lẽ việc thu hồi và giao đất có thu tiền). Ngày 22/4/2020, gia đình ông S có đơn khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thị trấn RG trả lại cho gia đình ông Nguyễn Văn Th3 phần tiền đất diện tích 1.025m<sup>2</sup> giá trị 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup> = 1.537.500.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 14/5/2020 tại Tòa án nhân dân huyện NH, Ủy ban nhân dân thị trấn RG khẳng định phần đất theo nội dung thỏa thuận khi nào có chủ trương bồi hoàn thì Ủy ban nhân dân thị trấn RG sẽ tổ chức lập phương án

bồi hoàn cho gia đình đã bị thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 64/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn RG không chấp nhận bồi thường. Kể từ sau ngày hòa giải 16/5/2020, phía ông S mới biết được Quyết định số 64 ảnh hưởng trực tiếp đến gia đình ông S, vì từ trước đến nay phía ông S chưa được Nhà nước triển khai theo đúng quy định.

Với các lý do nêu trên cho thấy Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất là trái pháp luật, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông S, bởi lẽ tại thời điểm thu hồi đất, gia đình ông S là người trực tiếp quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất 18.187,9m<sup>2</sup> bị thu hồi theo Quyết định số 64 bao gồm nhiều nhà ở và đất cho thuê mặt bằng, nhưng Quyết định số 64 không đề cập đến.

Vì vậy, Quyết định số 64 đã vi phạm nghiêm trọng trong việc thu hồi đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Quyết định số 64 không đề cập đến gia đình ông S, không thông báo cho gia đình ông S được biết trong khi gia đình ông S là người trực tiếp quản lý và sử dụng toàn bộ phần đất nói trên, từ đó đã tước đi quyền khởi kiện hành chính của gia đình ông S theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Với các lý do trên, phía ông S yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Ngày 10/8/2020, ông S có đơn khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 07/3/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH về việc giải quyết yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Văn Th, ngụ khu vực 1, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Th, ngụ khóm 1, thị trấn SĐ, huyện TVT.

*\* Tại Văn bản ngày 27/7/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trình bày:*

Năm 1976, Ủy ban nhân dân xã TA cấp cho ông Nguyễn Văn Th<sup>3</sup> (cha ruột của ông Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn S) một phần đất để trồng lúa (diện tích không xác định chính xác). Năm 1990, Nhà nước quy hoạch xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã TA và Đài tưởng niệm nằm trên đất của ông Th. Lúc đó, xã TA có hoán đổi cho gia đình ông Th một phần đất khác ở cặp sông Kinh Ngang, ngoài phần đất ông Th được cấp và hiện gia đình ông đang ở ổn định trên phần đất này.

Đến năm 1992, Nhà nước quy hoạch toàn bộ diện tích phần đất trước đây giao cho ông Th để làm chợ. Bà Trương Thị N1 (mẹ của ông Th) yêu cầu đòi lại phần đất đang quy hoạch chợ (theo bà N1 thì gia đình bà cho Nhà nước mượn

đất). Ủy ban nhân dân xã TA đã giải quyết cấp lại cho gia đình bà N1 (ông Th) 09 nền nhà không thu tiền sử dụng đất.

Ngày 07/3/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH ra Quyết định số 170/QĐ.UBND bác đơn khiếu nại của ông Th, giữ nguyên hiện trạng phần đất để sử dụng vào mục đích quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Ông Th không chấp nhận và có đơn khiếu nại Quyết định số 170/QĐ.UBND đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Ngày 18/01/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tổ chức cuộc họp đối thoại với gia đình ông Th. Tại cuộc đối thoại, ông Th thừa nhận Nhà nước có cấp 09 nền nhà cho gia đình ông. Trên cơ sở thẩm tra, xác minh tại Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 24/4/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 bác đơn khiếu nại của ông Th, giữ nguyên Quyết định số 170/QĐ.UBND ngày 07/3/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH. Sau khi triển khai quyết định, gia đình ông Th không đồng ý và tiếp tục có đơn khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ.

Thực hiện Công văn số 221/TTCP-C.III ngày 26/01/2015 của Thanh tra Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Chánh Thanh tra tỉnh rà soát hồ sơ vụ việc. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh của Chánh Thanh tra tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phúc đáp đến Thanh tra Chính phủ xác định không có cơ sở để xem xét giải quyết lại khiếu nại của ông Th.

Như vậy, phần đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở và Chợ thị trấn RG, huyện NH do Ủy ban nhân dân thị trấn RG quản lý, sử dụng từ năm 1992 cho đến nay; việc khiếu nại của gia đình ông Th3 (vợ là bà N1; các con là: Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn S, Nguyễn Hoàng L1, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Đ) đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết tại Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 và đã có hiệu lực thi hành.

Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở và Chợ thị trấn RG, huyện NH do Liên danh Công ty Cổ phần KL và Công ty TNHH MTV Bất động sản 30/4 làm chủ đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư tại Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 15/5/2017. Ngày 16/5/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị trấn RG và giao đất, cho thuê đất đối với Liên danh Công ty Cổ phần KL và Công ty TNHH MTV Bất động sản 30/4 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở và Chợ thị trấn RG, huyện NH, với diện tích 18.187,9m<sup>2</sup>. Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 đã được ban hành đúng theo quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Minh C trình bày:*

Khi Nhà nước thu hồi phần đất của bác hai là ông Nguyễn Văn S giao cho các doanh nghiệp xây dựng chợ RG, lúc đó trên phần đất anh C có căn nhà xây dựng bằng cây gỗ địa phương, mái tole, nền tráng xi măng với diện tích ngang 3,5m x 9,5m dài, tổng cộng là 33,25m<sup>2</sup> dùng để ở và buôn bán. Khi Nhà nước thu hồi không có bồi thường, hỗ trợ. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị trấn RG buộc phía anh C tháo dỡ để giao mặt bằng cho các doanh nghiệp kia sử dụng.

Anh C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông S. Tất cả các vấn đề liên quan, ông S được quyền quyết định. Anh C xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Thông Tr trình bày:*

Khi Nhà nước thu hồi phần đất của bác hai là ông Nguyễn Văn S giao cho các doanh nghiệp xây dựng chợ RG, lúc đó trên phần đất ông Tr có căn nhà xây dựng bằng cây gỗ địa phương, mái tole, nền tráng xi măng với diện tích ngang 4m x 10,5m dài, tổng cộng là 42m<sup>2</sup> dùng để ở và buôn bán. Khi Nhà nước thu hồi không có bồi thường, hỗ trợ. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị trấn RG buộc phía ông Tr tháo dỡ để giao mặt bằng cho các doanh nghiệp kia sử dụng.

Ông Tr thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông S. Tất cả các vấn đề liên quan, ông S được quyền quyết định. Ông Tr xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th2 trình bày:*

Khi Nhà nước thu hồi phần đất của bác hai là ông Nguyễn Văn S giao cho các doanh nghiệp xây dựng chợ RG, lúc đó trên phần đất ông Thống có căn nhà xây dựng bằng cây gỗ địa phương, mái tole, nền tráng xi măng với diện tích ngang 4,5m x 11,5m dài, tổng cộng là 57,75m<sup>2</sup> dùng để ở và buôn bán. Khi Nhà nước thu hồi không có bồi thường, hỗ trợ. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị trấn RG buộc phía ông Thống tháo dỡ để giao mặt bằng cho các doanh nghiệp kia sử dụng.

Ông Thống thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông S. Tất cả các vấn đề liên quan, ông S được quyền quyết định. Ông Thống xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Trung T trình bày:*

Khi Nhà nước thu hồi phần đất của bác hai là ông Nguyễn Văn S giao cho các doanh nghiệp xây dựng chợ RG, lúc đó trên phần đất ông T có căn nhà xây dựng bằng cây gỗ địa phương, mái tole, nền tráng xi măng với diện tích ngang 11m x 10m dài, tổng cộng là 110m<sup>2</sup> dùng để ở và buôn bán. Khi Nhà nước thu hồi không có bồi thường, hỗ trợ. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị trấn RG buộc phía ông T tháo dỡ để giao mặt bằng cho các doanh nghiệp kia sử dụng.

Ông T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông S. Tất cả các vấn đề liên quan, ông S được quyền quyết định. Ông T xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

**Tại bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:**

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu hủy 03 Quyết định, gồm:

1.1. Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH về việc giải quyết yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Văn Th, ngụ khóm 1, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau;

1.2. Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Th, ngụ khóm 1, thị trấn SĐ, huyện TVT;

1.3. Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị trấn RG và giao đất, cho thuê đất đối với Liên danh Công ty Cổ phần KL và Công ty TNHH MTV Bất động sản 30/4.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/12/2021 người khởi kiện ông Nguyễn Văn S, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn S, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ (có ông Trần Chi L là đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị kiện. Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo trình bày: Nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất đã được xác định, gia đình ông Th3 sử dụng đất từ 1976 có xác nhận của chính quyền thời đó. Khi thu hồi, gia đình ông S vẫn đang quản lý sử dụng đất thể hiện qua các chứng cứ sau: Năm 2001 ông Th3 ký giáp ranh bán đất cho Điện Lực, bưu điện; Khi Ủy ban nhân dân xã làm đường, gia đình ông S ngăn cản thì Ủy ban nhân dân không xử lý hành chính mà lại thỏa thuận

với gia đình ông S. Điều này thể hiện gia đình ông S quản lý, sử dụng đất chứ không phải là Ủy ban nhân dân xã. Ủy ban nhân dân tỉnh chưa ban hành quyết định giải quyết lại khiếu nại của ông Th theo yêu cầu của Tổng thanh tra Chính phủ, mà cho rằng Quyết định số 31/QĐ-UBND có hiệu lực là không đúng. Các công trình trên đất đã có từ năm 1992 và trong quá trình sử dụng gia đình ông S có tu sửa lại. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông S là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên lời trình bày đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Những người kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

**[1.1]** Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn S, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

**[1.2]** Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện theo ủy quyền. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Xét kháng cáo:**

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở và Chợ thị trấn RG, huyện NH do Liên doanh Công ty Cổ phần KL và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bất động sản 30/4 làm chủ đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chấp thuận đầu tư tại Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 15/5/2017, ngày



16/5/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị trấn RG và giao đất, cho thuê đất đối với Liên doanh Công ty Cổ phần KL và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bất động sản 30/4. Ông Nguyễn Văn S cho rằng phần đất theo Quyết định số 64/QĐ-UBND là của gia đình ông đang quản lý sử dụng, nên Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thu hồi là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Do vậy, ông S khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/5/2018. Ngày 10/8/2020, ông S có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 07/3/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Th.

**[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quyết định bị kiện:**

Theo quy định tại Điều 138 của Luật Đất đai năm 2003; các Điều 20, 23 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2004; Điều 59 của Luật Đất đai hiện hành; Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, các quyết định hành chính bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

**[2.2] Về nội dung:**

[2.2.1] Năm 1976, Ủy ban nhân dân xã TA có tạm cấp cho ông Nguyễn Văn Th3 (cha ông S) một phần đất để trồng lúa tại ấp KB, xã TA, giáp KB 50m với chiều dài là 10 công, chiều ngang không cụ thể. Năm 1990, Nhà nước quy hoạch xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã TA và Đài tưởng niệm nằm trên phần đất cấp cho ông Th3 nên đã thương lượng với gia đình ông Th3 thu hồi toàn bộ đất này. Đối với việc thu hồi đất, Ủy ban nhân dân xã TA đã cấp lại cho gia đình ông Th3 09 nền nhà và số tiền bồi hoàn thành quả lao động là 400.000 đồng nên bác khiếu nại của gia đình ông Th3.

[2.2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện như sau:

Diện tích đất gia đình ông Th3 được Ủy ban nhân dân xã TA giao để sản xuất nông nghiệp vào năm 1976 được xác định tại Báo cáo số 88/BC-TT ngày 06/7/2016 (BL 136) và các Biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân huyện NH xác định diện tích đất cấp cho gia đình ông Th3 là 25.920m<sup>2</sup>. Tại Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 07/3/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cho rằng diện tích đất này sau khi thỏa thuận thì Ủy ban nhân dân xã TA đã thu hồi và quản lý. Tuy nhiên tại Báo cáo của Thanh tra tỉnh Cà Mau kết luận: “Ngày 30/11/2004, Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 284/QĐ-CTUB về việc thu hồi đất đối với Lâm Ngự trường Kiến Vàng và giao đất cho UBND xã TA để quản lý, thực hiện theo Nghị định số

*163/1999/NĐ-CP của Chính phủ. Nội dung: Thu hồi 826,02ha đất tọa lạc tại xã TA, huyện NH đối với Lâm Ngư trường Kiến Vàng và giao toàn bộ diện tích đất nói trên cho UBND xã TA để quản lý (trong đó có toàn bộ diện tích hiện nay gia đình ông Th đang yêu cầu)”.*

[2.2.3] Quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Văn Th3:

Năm 1976, hộ gia đình ông Th3 được giao diện tích đất khoảng 25.920m<sup>2</sup> để sản xuất nông nghiệp. Năm 1987, Ủy ban nhân dân xã TA đến hỏi mượn phần đất mặt tiền của gia đình ông để xây dựng trụ sở mới, gia đình ông đồng ý và dời nhà về phía sau hậu đất (nội dung giải quyết đơn của UBND tỉnh Cà Mau), sau đó Ủy ban nhân dân xã TA đã xây dựng trường học, tượng đài và nhà truyền thống Phan NH.

Tại Bảng xác minh nguồn gốc đất ngày 30/3/2001 của Ủy ban nhân dân huyện NH (có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và cơ quan địa chính huyện NH) thể hiện ông Th3 giao cho chi nhánh điện lực CN – Cà Mau diện tích 600m<sup>2</sup> để xây dựng chốt điện TA, nguồn gốc đất là do Ủy ban nhân dân xã TA giao cho ông Th3 từ năm 1976, chi nhánh điện lực bồi hoàn tiền thành quả đất xây dựng nhà bu điện. Tại biên nhận ngày 13/11/2002 thể hiện Bưu điện NH nhận phần đất của ông Th3 để xây dựng trụ sở, Bưu điện bồi hoàn thành quả là 25.000.000 đồng.

Biên bản về việc nâng cấp lộ bê tông khu trung tâm thị trấn của Ủy ban nhân dân thị trấn RG, huyện NH ngày 12/7/2016 thể hiện nội dung: Ủy ban nhân dân thị trấn thỏa thuận với ông Nguyễn Văn Th (đại diện gia đình ông Th3), ông Th đồng ý giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn diện tích đất 1.025m<sup>2</sup> để Ủy ban nhân dân thị trấn RG tiến hành thi công xây dựng các đoạn lộ bê tông tại khu vực này và 2 bên thỏa thuận khi nào có chủ trương bồi thường giải phóng mặt bằng thì Ủy ban nhân dân thị trấn sẽ lập phương án bồi thường cho gia đình ông theo quy định.

Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ phần nhà đất tranh chấp ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (BL 238) thể hiện trên thực địa chỉ còn lại 04 căn nhà tạm (khung cây gỗ địa phương, vách mái bằng tôn thiếc, nhà không còn nguyên vẹn), đây là nhà của con ông S sử dụng để ở và buôn bán, ngoài ra trên đất còn có 21 người thuê đất làm ki ốt (nhà tạm) để ở và buôn bán (hiện các hộ đã tháo dỡ và chuyển đi nơi khác).

[2.2.4] Từ cơ sở trên, xét thấy quyết định giải quyết khiếu nại số 170/QĐ-UBND ngày 07/3/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cho rằng toàn bộ diện tích đất trước đây giao cho ông Th3 vào năm 1990 đã được Ủy ban nhân dân xã TA thu hồi, quản lý và đã giải quyết hoán đổi cho gia đình ông Th3 09 nền nhà và bồi hoàn thành quả lao động 400.000 đồng là không có cơ sở, gia đình ông Th3 không thừa nhận, đồng thời Ủy ban nhân dân huyện

NH cũng không có tài liệu chứng minh. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 31/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thể hiện: “*Đến 1987, UBND xã TA đến hỏi mượn phần đất mặt tiền của gia đình ông để xây dựng trụ sở mới, gia đình ông đã đồng ý và dời nhà về phía sau hậu đất (việc hỏi mượn đất chỉ nói miệng)*”. Tại Quyết định này thừa nhận gia đình ông Th3 dời nhà về phía sau hậu đất chứ không chuyển đi nơi khác.

[2.2.5] Việc khiếu nại đòi đất của gia đình ông Th3 xảy ra từ năm 1992 do bà Trương Thị N1 (vợ ông Th3) đứng đơn, qua nhiều lần giải quyết, Ủy ban nhân dân huyện NH và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đều cho rằng diện tích giao cho gia đình ông Th3 đã được Ủy ban nhân dân xã TA thỏa thuận thu hồi và quản lý sử dụng. Tuy nhiên trên thực tế ngoài phần diện tích gia đình ông Th3 hiến đất để làm trụ sở Ủy ban nhân dân xã, trạm y tế và tượng đài thì phần đất còn lại gia đình ông Th3 vẫn sử dụng, thể hiện là gia đình ông Th3 vẫn xây nhà để ở, chuyển nhượng lại cho Bru điện và điện lực, cho một số hộ thuê có thu tiền để làm ki ốt (nhà tạm) để ở và kinh doanh buôn bán. Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 07/3/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chỉ giải quyết khiếu nại của gia đình ông Th3 về việc đòi lại đất, không có quyết định thu hồi đất. Trong khi đó Ủy ban nhân dân các cấp của tỉnh Cà Mau đều thừa nhận có giao đất cho hộ ông Th3 vào năm 1976 để sản xuất nông nghiệp, sau đó có thỏa thuận xin lại một phần để xây dựng trụ sở và trạm y tế, tượng đài.

Ngày 15/6/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 thu hồi toàn bộ diện tích 18.187,9m<sup>2</sup> mà gia đình ông Th3 khiếu nại để cho Công ty cổ phần KL và Công ty TNHH MTV Bất động sản 30/4 thuê xây dựng chợ và phân lô. Tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cũng chỉ quyết định thu hồi diện tích đất 18.187,9m<sup>2</sup> chứ không đề cập đến việc giải quyết quyền lợi của gia đình ông Th3 trên diện tích đất này.

Tại Điều 1 của Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định: “*Thu hồi 18.187,9m<sup>2</sup> đất tại khóm 1, thị trấn RG, huyện NH thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn RG và giao đất, cho thuê...*”, như đã phân tích thì diện tích đất này đã giao cho gia đình ông Th3 sử dụng nhưng chưa có quyết định nào của Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Cà Mau thu hồi, đồng thời Ủy ban nhân dân xã TA trước đây cho rằng đã hoán đổi cho gia đình ông Th3 để lấy lại diện tích đất này cũng không có cơ sở để chứng minh, phía gia đình ông Th3 không thừa nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy các Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 07/3/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/5/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là các Quyết định giải quyết khiếu nại đòi lại quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn

Văn Th3 do bà Trương Thị N1 (vợ ông Th3 đứng đơn). Đối với Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là Quyết định về việc thu hồi đất để giao cho các doanh nghiệp thực hiện dự án là công trình phúc lợi của địa phương; xét Quyết định này được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Tuy nhiên về nội dung không giải quyết quyền lợi của gia đình ông Th3 về việc áp giá bồi thường là không thực hiện đúng các Điều 14, 49 Luật đất đai 1987 và các Điều 69, 74 Luật đất đai 2013, làm ảnh hưởng quyền lợi của gia đình ông Th3, trong khi gia đình ông Th3 có quá trình sử dụng đất từ năm 1976 và đủ điều kiện được bồi thường. Hiện nay dự án làm chợ và phân lô thực hiện dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện, để đảm bảo tính ổn định và vì phát triển kinh tế của địa phương, xét thấy cần giữ nguyên các quyết định bị kiện, không chấp nhận kháng cáo về việc hủy các Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Cà Mau. Tại cấp sơ thẩm, ông S là người đại diện chỉ khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Cà Mau; tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của phía gia đình ông S yêu cầu nếu không tuyên hủy các Quyết định trên thì yêu cầu tòa tuyên buộc phía Ủy ban phải thực hiện việc áp giá bồi thường cho phía gia đình ông S theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy; yêu cầu của người đại diện cho phía ông S là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này; Đồng thời để đảm bảo quyền lợi của phía gia đình ông S cần kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện NH và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thực hiện việc áp giá bồi thường diện tích đất trên cho gia đình ông Th3 (do ông S đứng tên khởi kiện) theo quy định; trường hợp Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Cà Mau không thực hiện thì gia đình ông Th3 do ông S làm đại diện có quyền khởi kiện để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1949, ông Nguyễn Văn Th sinh năm 1954, bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1955, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1957, ông Nguyễn Văn Kh sinh năm 1959, ông Nguyễn Văn N sinh năm 1961 nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; các Điều 14, 49 Luật đất đai năm 1987; các Điều 69, 74 Luật đất đai năm 2013; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn S, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST ngày 24/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu hủy 03 Quyết định, gồm:

- Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NH về việc giải quyết yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Văn Th, ngụ khóm 1, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau;

- Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Th, ngụ khóm 1, thị trấn SĐ, huyện TVT;

- Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị trấn RG và giao đất, cho thuê đất đối với Liên danh Công ty Cổ phần KL và Công ty TNHH MTV Bất động sản 30/4.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện NH và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thực hiện nhiệm vụ, công vụ áp giá bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Văn Th3 (do ông Nguyễn Văn S đứng đơn khởi kiện) đối với diện tích đất 18.187,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 1, thị trấn RG, huyện NH, tỉnh Cà Mau theo đúng quy định pháp luật.

Hộ ông Nguyễn Văn Th3 do ông Nguyễn Văn S đại diện liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện NH và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau để thực hiện thủ tục áp giá bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Văn N được miễn.

- Ông Nguyễn Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các

biên lai thu số 0000008, 0000009, 0000010, 0000011 cùng ngày 06/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự (21);
- Lưu: HSVA (2), VP(5) 33b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn An**